TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Tăng Gô.
Bà Nguyễn Thị Rê.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh N - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/11/2017).

Bị đơn: Ông Phạm Duy Th - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/11/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-10-2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh N trình bày: bà N và ông Phạm Duy Th cưới nhau năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi nhau nên bà N về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2014 đến nay. Hiện bà N yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: bà N và ông Th có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 12-5-2015, hiện con chung do bà N nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu trực tiếp

nuôi con chung, yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung 650.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Bà N vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06-11-2017, bà N giữ nguyên các yêu cầu như nội dung đơn khởi kiện.

Theo bản tự khai ngày 06-11-2017, ông Phạm Duy Th khai: ông và bà N chung sống với nhau từ năm 2013 đến năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Th đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về con chung: ông và bà N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 12-5-2015, hiện con chung do bà N nuôi dưỡng. Ông Th đồng ý để bà N trực tiếp nuôi con chung nhưng ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Ông Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06-11-2017, ông Th giữ nguyên các nội dung trong bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Huỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Duy Th. Ông Th hiện đang cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh L thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà N và ông Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N: bà N và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Bà N và ông Th có một con chung tên Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 12-5-2015. Hiện con chung do bà N nuôi dưỡng. Xét con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho bà N nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét việc bà N yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung 650.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, đồng thời xét việc ông Th không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung: yêu cầu của bà N là

phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, mức cấp dưỡng bà N yêu cầu là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và cần buộc ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông Th cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp. Ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Quan hệ giữa bà Nguyễn Huỳnh N và ông Phạm Duy Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh N được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Khả V, sinh ngày 12-5-2015. Hiện con chung đang sống với bà N. Ông Phạm Duy Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Th được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết bà N và ông Th được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông Th cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số 0008070 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.